

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Hải và ông Ngô Đình Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Bá - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm 10, xã DX, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 1, xã DX, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Trường D, sinh năm 1955. Có mặt.

Bà Ngô Thị H, sinh năm 1959. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 1, xã DX, huyện D, Nghệ An.

Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1969. Có mặt.

Bà Trần Thị L, sinh năm 1969. Có mặt.

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1991. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 10, xã DX, huyện D, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2017, các lời khai tại tòa án, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr trình bày: Chị đăng ký kết hôn

với anh Nguyễn Văn Đ vào ngày 13/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã DX, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại nhà bố mẹ chồng ở xóm 1, xã DX. Trong quá trình sinh sống anh Đ thường xuyên ghen tuông, đánh đập, chửi bới, xúc phạm nhân phẩm của chị. Ngày 30/8/2016 anh Đ đi làm xa về ghen tuông và đánh đập chị tiếp, chị mời bố mẹ chồng sang nhà nói chuyện và xin phép về bên ngoại sinh sống cho đến nay. Cũng từ đó, vợ chồng chị sống ly thân, không còn quan hệ gì. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không khắc phục được mâu thuẫn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Vợ chồng chị có 01 con chung Nguyễn Thị Việt A, sinh ngày 24/10/2016. Từ khi sinh cho đến nay, chị chăm sóc, nuôi dưỡng con, nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Tài sản chung gồm có: 01 ngôi nhà xây dựng trên đất bố mẹ chồng và tài sản vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Chị yêu cầu chia đôi tài sản chung.

Nợ: Không có ai nợ vợ chồng. Vợ chồng chị nợ ông Nguyễn Văn Ng và bà Trần Thị L 35.970.000đồng, nợ anh Nguyễn Văn H 15.000.000đồng. Chị yêu cầu chia đôi.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Thống nhất với chị Nguyễn Thị Thu Tr về thời gian và điều kiện đăng ký kết hôn. Anh kết hôn với chị Tr có tình hiểu, tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, không hợp nhau, không hạnh phúc. Nguyên nhân là do chị Tr nói với anh con trong bụng chị không phải con anh, tiền anh gửi về cho trai hết rồi. Chị Tr còn hỗn láo chửi anh và bố mẹ anh. Ngày 28/8/2016 chị Tr bỏ nhà đi theo trai, anh không biết chị ở đâu. Từ đó đến nay vợ chồng anh không còn tình cảm gì. Chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Con chung: Chị Tr bỏ đi khi còn mang bầu, chị không cho anh biết con sinh vào thời gian nào và tên gì, mãi sau này anh mới biết con chung tên Nguyễn Thị Việt A, sinh ngày 24/10/2016. Anh đề nghị tòa án xét nghiệm ADN xem có phải con anh không. Ngoài ra anh còn trình bày anh không có công ăn việc làm, phải ăn bám bố mẹ. Con dưới 36 tháng tuổi, theo quy định của luật thì chị Tr có quyền nuôi nên để cho chị Tr nuôi. Quá trình giải quyết vụ án anh thừa nhận vợ chồng anh có 01 con chung Nguyễn Thị Việt A, sinh ngày 24/10/2016, nếu chị Tr không nuôi được thì anh đưa về cho bố mẹ anh nuôi.

Tài sản chung: có 01 cái ô tô vợ chồng xây dựng trên đất bố mẹ anh. Chi phí xây dựng hết 45.000.000đồng và 05 cánh cửa, 01 bộ bàn ghế. Anh yêu cầu chị Tr dỡ toàn bộ tài sản trên đất, trả lại mặt bằng cho bố mẹ anh hoặc chia đôi bằng hiện vật.

Nợ: Vợ chồng nợ ông Nguyễn Trường D 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Ng và bà Trần Thị L thống nhất trình bày: ông bà là bố, mẹ chị Tr, khi vợ chồng làm nhà, ông bà làm phần gỗ và mua hộ 01 bộ bàn ghế gỗ, tổng cộng hết 35.970.000đồng. Vợ chồng chị Tr, anh Đ ly hôn, ông bà yêu cầu trả lại số tiền trên hoặc cho ông bà nhận lại hiện vật là toàn bộ cửa gỗ ông bà đã làm, bàn ghế ông bà đã mua.

Ông Nguyễn Trường D và bà Ngô Thị H thống nhất trình bày: năm 2015 anh Đ kết hôn cùng chị Tr. Vợ chồng sinh sống trong nhà cùng ông bà được một thời gian thì đòi ra ở riêng. Anh Đ, chị Tr đã làm nhà trên thửa đất của ông bà, khi vợ chồng làm nhà, ông bà có phụ vợ chồng nước nôi cho thợ. Khi làm nhà, chị Tr có hỏi vay ông 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), ông đưa tiền cho chị Tr có sự chứng kiến của anh Đ. Nay vợ chồng ly hôn, ông yêu cầu vợ chồng dỡ toàn bộ nhà, trả lại mặt bằng cho ông bà làm rau và trả nợ cho ông bà 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Văn H trình bày: anh là anh trai chị Tr, khi vợ chồng Tr, Đ làm nhà, anh Đ trực tiếp vào nhà anh hỏi vay anh 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng). Vì là chỗ anh, em nên anh cho vay không có giấy tờ. Vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu vợ chồng có trách nhiệm trả nợ cho anh số tiền gốc 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng), không tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án chị Tr, anh Đ đề nghị Tòa án xem xét thẩm định và ra quyết định thành lập Hội đồng định giá, và chịu chi phí.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá như sau:

01 nhà cấp 4, xây bằng gạch táp lô, mái lợp tôn chống nóng, xà gồ bằng thép Hòa Phát, nền lát gạch men, tường ốp lamri bằng gạch men. Có S: 46,53m². Trị giá: 67.000.000đồng (sáu mươi bảy triệu đồng).

Nhà vệ sinh tường xây bằng gạch táp lô, mái lợp tôn chống nóng, nền lát gạch men. S 4,5m². Trị giá 13.500.000đồng (mười ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

Mái tôn che: mái tôn phía trước lợp tôn chống nóng có S 14,56m², trị giá 4.368.000đồng (bốn triệu, ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng); Mái tôn phía sau lợp tôn bình thường có S 11,44m², trị giá 2.500.000đồng (hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

Cửa đi: 03 cửa, gỗ dổi, dày 3,5cm. Tổng S 5,87m². Trị giá 11.000.000đồng (mười một triệu đồng).

Cửa sổ: 04 cửa sổ, gỗ dổi, dày 3,5cm. Tổng S 3,62m². Trị giá 6.190.000đồng (sáu triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng). Song cửa: 1.500.000đồng (một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Cổng sắt: 02 cánh thép hộp có S 3,98m², 02 trụ cổng. Trị giá 4.600.000đồng (Bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Bờ tường bao: cao 0,6m x dài 7,52m. S 4,512m². Trị giá 675.000đồng (sáu trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng).

Bể nước mưa: 03 cổng, đường kính 1,2m. Trị giá 1.500.000đồng (một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Giếng khơi: 05 cổng, đường kính 1m. Trị giá 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

Máy bơm đã cũ, đang sử dụng. Giá trị khấu hao đã hết.

Bể nước Sơn Hà 500L. Trị giá 1.000.000đồng (một triệu đồng).

Tủ nhôm kính 2 buồng. Trị giá 1.000.000đồng (một triệu đồng).

Giường 1,8mx1,6m. Trị giá 1.000.000đồng (một triệu đồng).

Bộ bàn ghế gỗ 06 món. Trị giá 4.000.000đồng (bốn triệu đồng).

Bàn thờ, trị giá 500.000đồng.

Xe Vision biển kiểm soát 37F1-73859. Trị giá: 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng).

Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến kiến nghị hay khiếu nại gì.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có ý kiến, định giá quá cao, yêu cầu định giá lại. Nhưng sau đó, khi được đọc lại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản, anh không có thắc mắc gì về giá, cũng không khiếu nại về giá, và đề nghị tòa án đưa vụ án ra xét xử bình thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến: về thủ tục tổ tụng việc tuân theo pháp luật từ thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án, tổng đạt văn bản cho Viện kiểm sát và đương sự của thẩm phán là hoàn toàn đúng luật. Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo quy định của pháp luật trong quá trình xét xử, không có gì vi phạm về thủ tục. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 59, 61, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Đ. Giao con chung Nguyễn Thị Việt A, sinh ngày 24/10/2016 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng /tháng. Tài sản chung vợ chồng chia đôi, trị giá bằng tiền, giao hiện vật cho anh Đ, buộc anh Đ bù chênh lệch cho chị Tr. Bác yêu cầu về nợ của ông D, anh H. Buộc vợ chồng có trách nhiệm chung với khoản nợ của gỗ làm nhà và bộ bàn ghế.

Tại phiên tòa, chị Tr và anh Đ thống nhất thỏa thuận ly hôn, con chung giao cho chị Tr. Tài sản chung anh Đ, chị Tr thống nhất như Biên bản xem xét thẩm định và Biên bản định giá tài sản của Tòa án, trừ xe máy Vision.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông D, ông Ng, bà L, anh H giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ý kiến của Kiểm sát viên, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ cư trú tại xóm 1, xã DX, huyện D, theo quy định tại khoản 1 điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Nguyễn Văn Đ là hôn nhân hợp pháp (Giấy đăng ký kết hôn số 41 ngày 13/7/2015). Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Từ tháng 8/2016 hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung chấm dứt. Chị Tr và anh Đ cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không khắc phục được mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai thống nhất thỏa thuận ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Đ.

[4] Về con chung: Anh Đ đề nghị xét nghiệm ADN để kiểm tra Nguyễn Thị Việt A, sinh ngày 24/10/2016 có phải con anh hay không, quá trình giải quyết vụ án, anh thay đổi quan điểm, thống nhất với chị Tr, Nguyễn Thị Việt A là con chung của vợ chồng. Căn cứ vào điều 88 luật Hôn nhân và gia đình xác định Nguyễn Thị Việt A, sinh ngày 24/10/2016 là con chung của chị Tr và anh Đ.

Nguyên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của hai bên là chính đáng. Tuy nhiên, con chung dưới 36 tháng tuổi, căn cứ vào thực tế từ khi sinh đến nay, con chung ở với chị Tr, chị Tr có công việc thu nhập ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo cho con chung được chăm nom, giáo dục, phát triển. Hội đồng xét xử áp dụng các điều 80, 81, 83, 110, 116, 117, 118 luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ đang thất nghiệp nhưng để anh Đ được thực hiện quyền làm cha, thể hiện tinh thần có trách nhiệm với con, cần buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khoảng 1.500.000đồng (một triệu, năm trăm ngàn đồng) là phù hợp. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung:

Tài sản không thống nhất: Xe Vision biển kiểm soát 37F1-73859. Theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 009921, ngày 24/6/2015, chiếc xe mang tên chủ sở hữu Nguyễn Thị Thu Tr. Chị Tr, anh Đ kết hôn ngày

13/7/2015. Như vậy, chiếc xe có trước thời kỳ hôn nhân, căn cứ vào khoản 1 điều 43 Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là tài sản riêng của chị Tr. Bác yêu cầu của anh Đ.

Tài sản chung thống nhất: Anh Đ, chị Tr thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm có: 01 nhà cấp 4, nhà vệ sinh, mái tôn che, cửa đi, cửa sổ, cổng sắt, bờ tường bao, bể nước mưa, giếng khơi, máy bơm đã cũ, bể nước Sơn Hà 500L, tủ nhôm kính 2 buồng, giường, bộ bàn ghế gỗ 06 món, bàn thờ. Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình xác định tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng, có giá trị: 122.333.000đồng (một trăm, hai mươi hai triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Nhà và công trình phụ được xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng của ông D, bà H. Anh Đ, ông D, bà H trình bày mâu thuẫn về việc chị Tr, anh Đ tự ý xây dựng, không được phép của ông bà. Tuy nhiên, căn cứ vào bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, lời khai tại phiên tòa, thấy rằng khi vợ chồng làm nhà có xin phép ông D, bà H, ông bà nắm rõ được thời gian làm, trong quá trình làm, ông bà còn phụ giúp vợ chồng làm nhà. Điều đó chứng tỏ việc làm nhà trên đất, được sự cho phép của ông D, bà H.

Chị Tr, anh Đ xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, thống nhất thỏa thuận ly hôn, do đó cả hai đều có lỗi như nhau trong việc vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có thỏa thuận về tài sản. Về nguồn gốc, công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung của vợ chồng bằng nhau, do đó tài sản chung chia đôi. Căn cứ vào quy định tại các điều 59, 61 Luật Hôn nhân và gia đình, chia tài sản chung bằng hiện vật:

Giao cho anh Đ được quyền sở hữu tài sản gồm: 01 nhà cấp 4, nhà vệ sinh, mái tôn che, cửa đi, cửa sổ, cổng sắt, bờ tường bao, bể nước mưa, giếng khơi, được xây dựng trên đất của ông D, bà H tại xóm 1, xã DX, huyện D, Nghệ An. Và máy bơm đã cũ, bể nước Sơn Hà 500L, tủ nhôm kính 2 buồng, giường, bộ bàn ghế gỗ 06 món, bàn thờ. Trị giá: 122.333.000đồng.

Buộc anh Đ bù chênh lệch tài sản cho chị Tr: 61.000.000đồng (sáu mươi một triệu đồng).

Bác yêu cầu xe Vision là tài sản chung của vợ chồng.

[6] Nghĩa vụ về tài sản:

Ông Ng, bà L yêu cầu vợ chồng chị Tr, anh Đ trả tiền làm cửa gỗ, mua bộ bàn ghế gỗ 06 món: 35.970.000đồng. Tại phiên tòa, anh Đ thừa nhận đồ gỗ trong nhà do ông Ng làm. Chị Tr thừa nhận vợ chồng còn nợ ông Ng, bà L số tiền 35.970.000đồng. Căn cứ vào điều 466 Bộ luật Dân sự buộc anh Đ, chị Tr có nghĩa vụ trả nợ cho ông Ng, bà L số tiền làm cửa gỗ, mua bộ bàn ghế gỗ 06 món: 35.970.000đồng, kỷ phần mỗi người: 17.985.000đồng (mười bảy triệu, chín trăm, tám mươi lăm ngàn đồng).

Ông D yêu cầu vợ chồng chị Tr, anh Đ trả cho ông 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Anh H yêu cầu vợ chồng trả cho anh 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng). Việc vay mượn giữa các bên không có giấy tờ, anh Đ, chị Tr không thừa nhận. Ông D, anh H không có chứng cứ chứng minh, vì vậy bác yêu cầu của ông D, anh H vì không có căn cứ.

[7] Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản, anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, 55, 57, 59, 61, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 12, 26, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Việt A, sinh ngày 24/10/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Tr 1.500.000đồng (một triệu, năm trăm ngàn đồng), từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản:

3.1 Giao cho anh Nguyễn Văn Đ được quyền sở hữu tài sản gồm: 01 nhà cấp 4, nhà vệ sinh, mái tôn che, cửa đi, cửa sổ, cổng sắt, bờ tường bao, bể nước mưa, giếng khơi, được xây dựng trên đất của ông D, bà H tại xóm 1, xã DX, huyện D, tỉnh Nghệ An. Và máy bơm đã cũ, bể nước Sơn Hà 500L, tủ nhôm kính 2 buồng, giường, bộ bàn ghế gỗ 06 món, bàn thờ.

3.2 Buộc anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ bù chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu Tr: 61.000.000đồng (sáu mươi một triệu đồng).

3.3 Bác yêu cầu xe Vision là tài sản chung của vợ chồng.

4. Nghĩa vụ về tài sản:

Buộc anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu Tr có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn Ng, và bà Trần Thị L số tiền làm cửa gỗ, mua bộ bàn ghế gỗ 06 món: 35.970.000đồng, kỷ phần mỗi người: 17.985.000đồng (mười bảy triệu, chín trăm, tám mươi lăm ngàn đồng).

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Trường D về khoản tiền cho vợ chồng vay 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Bác yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về khoản tiền cho vợ chồng vay 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng)

5. Về án phí:

5.1. Buộc chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 3.050.000đồng (ba triệu, không trăm, năm mươi ngàn đồng) án phí chia tài sản, tổng cộng 3.350.000đồng (ba triệu, ba trăm, năm mươi ngàn đồng). Án phí của chị Tr được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, trả lại cho chị Tr 950.000đồng (chín trăm, năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004312 ngày 17/10/2017.

5.2 Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 3.050.000đồng (ba triệu, không trăm, năm mươi ngàn đồng) án phí chia tài sản.

5. Quyền yêu cầu thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự” (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- Dương sự;
- UBND xã DX;
- CCTHADS huyện D;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Danh Hùng